

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**
Hội thẩm nhân dân: - Ông **Huỳnh Thanh Trà**
- Ông **Trần Hải**
- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu
Vực I, thành phố Đà Nẵng.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực I, thành phố Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực I xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 354/2024/TLST-DS ngày 05.11.2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02A/2025/QĐXXST-DS ngày 01.7.2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 28.7.2025 giữa:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.** Địa chỉ trụ sở: Tầng A, 2, 3 tòa nhà G, C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội - Nay là phường Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân P - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ liên lạc: B L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng - N là phường C, thành phố Đà Nẵng (Giấy uỷ quyền số 593 ngày 08.7.2024), (có mặt).

* **Bị đơn:** Ông **Đặng Thanh P1** - Sinh năm 1979. Địa chỉ thường trú: 3 P, quận H, thành phố Đà Nẵng - N là phường H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: K D, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng - N là phường H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Đặng Thị Kim P2** – Sinh năm 1976. Địa chỉ: K D, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng - N là phường H, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08.7.2024, Bản tự khai các ngày 11.02.2025, ngày 23.6.2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy*

quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ông Trần Xuân P trình bày:

A1 Chi nhánh Đ và ông Đặng Thanh P1 đã ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:
- Hợp đồng cho vay từng lần số 4465/22/TD-TT/VI ngày 13/04/2022 với các nội dung cụ thể: Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng (*ba tỷ đồng*); Mục đích vay: cho vay bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng BĐS tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ A, phường H (phường H, quận H cũ), thành phố Đà Nẵng; Thời hạn vay: 360 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: 7.29%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 13 trở về sau áp dụng theo công thức lãi suất cơ sở + Biên độ 3,9%; Tần suất thay đổi lãi suất 3 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến ngày 15/6/2024 ông P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ tính đến ngày 12/8/2025: Nợ gốc: 2.982.758.000 đồng; Nợ lãi: 958.382.899 đồng (lãi trong hạn: 927.013.187 đồng và quá hạn: 31.369.712 đồng); Tổng cộng: 3.941.140.899 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 4466/22/TD-TT/VI ngày 13/04/2022 với các nội dung cụ thể: Số tiền vay: 850.000.000 đồng (*tám trăm năm mươi triệu*); Mục đích vay: cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: cụ thể theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Đến ngày 10/7/2023 ông P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ tính đến ngày 12/8/2025: Nợ gốc: 848.262.848 đồng; Nợ lãi: 235.598.836 đồng; Tổng cộng: 1.083.861.684 đồng.

- Hợp đồng cho vay từng lần số 5720/22/22/TD-TT/VI ngày 27/04/2022 với các nội dung cụ thể: Số tiền vay: 1.700.000.000 đồng (*Một tỷ bảy trăm triệu đồng*); Mục đích vay: cho vay bù đắp chi phí nhận chuyển nhượng BĐS tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: Tổ I, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng; Thời hạn vay: 360 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân; Lãi suất trong hạn: 10%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Thời điểm thay đổi lãi suất/tần suất thay đổi lãi suất: 03 tháng/01 lần kể từ thời điểm 11/08/2024. Nguyên tắc và các yếu tố để xác định lãi suất điều chỉnh: lãi suất cơ sở + Biên độ 3,9%; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Ngày 10/01/2025 ông Đặng Thanh P1 đã tắt toán dư nợ của Hợp đồng cho vay từng lần số 5720/22/22/TD-TT/VI ngày 27/04/2022 và được giải chấp TSBĐ là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10 (thửa đất số cũ: 424, tờ bản đồ số 3), địa chỉ: Tổ I phường T (phường H, quận T cũ), thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 876579, số vào sổ cấp GCN: CH 01136 do UBND quận T cấp ngày 26/07/2011 cho bà Huỳnh Thị Mỹ L. Ông Đặng Thanh P1 nhận chuyển nhượng lại ngày 22/04/2022

- Tổng dư nợ còn lại tính đến ngày 26/8/2025: Nợ gốc: 3.831.020.848 đồng; Nợ lãi: 1.215.825.845 đồng (TH: 949.777.575 đồng và QH: 266.048.270 đồng); Tổng cộng: 5.046.846.693 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, ông Đặng Thanh P1 đã ký với A1 Hợp đồng thế chấp tài sản số 3647/22/TC-TT/VI ngày 13/4/2022 để thế chấp tài sản là: Quyền

sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ A, phường H (phường H, quận H cũ), thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 298982, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do UBND quận H cấp ngày 30/9/2010 cho ông Nguyễn Văn L1 và bà Mai Thị T. Ông Đặng Thanh P1 nhận chuyển nhượng lại ngày 02/6/2021.

Trong quá trình vay vốn, khoản vay của ông Đặng Thanh P1 phát sinh nợ quá hạn và vi phạm các cam kết trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký. Nên tại phiên toà Ngân hàng yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết: Buộc ông Đặng Thanh P1 thanh toán cho A1 tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/8/2025 là: Nợ gốc: 3.831.020.848 đồng; Nợ lãi: 1.215.825.845 đồng (TH: 949.777.575 đồng và QH: 266.048.270 đồng); Tổng cộng: 5.046.846.693 đồng và số nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi được quy định tại các Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho A1. Trường hợp, ông Đặng Thanh P1 không trả được nợ thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ A, phường H (phường H, quận H cũ), thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 298982, số vào sổ cấp GCN: CH 00264 do UBND quận H cấp ngày 30/9/2010 cho ông Đặng Thanh P1.

*** Đối với bị đơn:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Đặng Thanh P1 không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Theo Bản tự khai ngày 10.4.2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim P2 trình bày:**

Bà đã biết việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện ông Đặng Thanh P1 ra Tòa án nhân dân quận Hải Châu, nay là Tòa án nhân dân Khu Vực I - thành phố Đà Nẵng do ông P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nhưng khoản vay này bà là người nhờ ông P1 là em trai của bà vay giúp, hằng tháng bà là người trả lãi cho Ngân hàng. Giữa bà và em trai bà không có thoả thuận gì khác. Hiện nay bà làm ăn khó khăn nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Bà xin đề nghị Ngân hàng cho bà trả hết khoản nợ trên trong thời hạn 6 tháng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực I, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 26.8.2025) là 5.046.846.693 đồng (Năm tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 3.831.020.848 đồng; Nợ lãi: 1.215.825.845 đồng (TH: 949.777.575 đồng và QH: 266.048.270 đồng). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 27.8.2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A với ông Đặng Thanh P1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực I theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết là hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Thanh P1 trả tổng cộng gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 26.8.2025) là 5.046.846.693 đồng (Năm tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 3.831.020.848 đồng; Nợ lãi: 1.215.825.845 đồng (TH: 949.777.575 đồng và QH: 266.048.270 đồng). Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 27.8.2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số 4465/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số 4466/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cho vay từng lần số 4465/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số 4466/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022 giữa Ngân hàng và ông Đặng Thanh P1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy:

[3.1] Ngân hàng đã thực hiện đúng các thủ tục cho vay, giải ngân cũng như thế chấp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông P1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp ông P1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ là có cơ sở. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nay là Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn

phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền cả gốc và lãi là 5.046.846.693 đồng, trong đó: Nợ gốc 3.831.020.848 đồng, nợ lãi 1.215.825.845 đồng. Ông P1 tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi thoả thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số 4465/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số 4466/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022 đến khi thanh toán hết khoản nợ.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp của Ngân hàng HXXX thấy:

[4.1] Để đảm bảo khoản nợ vay, Ngân hàng cùng ông Đặng Thanh P1, ký Hợp đồng thế chấp để thế chấp tài sản đứng tên ông Đặng Thanh P1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 3647/22/TC-TT/VI ngày 13/4/2022 đã được công chứng tại Văn phòng C và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Qua xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp là nhà và đất tại Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H thành phố Đà Nẵng - Nay là phường H, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC298982, Số vào sổ cấp GCN: CH00264, do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/9/2010. Đối với diện tích đất không thay đổi so với giấy chứng nhận đã được đăng ký thế chấp là 88,5m². Đối với nhà qua xem xét thẩm định tại chỗ nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 31m² có kết cấu tường xây, mái tôn + ngói không còn. Tài sản trên đất hiện nay là nhà 4 tầng, diện tích xây dựng tầng 1 là 75,50m², tổng diện tích sàn là 263,70m² kết cấu tường xây, nền gạch men, mái đúc. Hiện nay nhà và đất trên gồm có bà Đặng Thị Kim P2 và 2 con của bà P2 là Nguyễn Khánh D, sinh năm 2009 và Nguyễn Khánh T1, sinh năm 2011 đang sinh sống. Bà P2 thống nhất trong trường hợp ông Đặng Thanh P1 không trả được nợ thì tài sản thế chấp trên được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi toàn bộ nợ gốc, lãi và lãi phát sinh theo các hợp đồng trên nên phù hợp theo quy định tại Điều 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Sau khi ông Đặng Thanh P1 trả hết toàn bộ số nợ thì Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả cho ông Đặng Thanh P1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC298982, Số vào sổ cấp GCN: CH00264, do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/9/2010 đứng tên ông Đặng Thanh P1.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng Ngân hàng đã tạm nộp và đã chi phí xong nên cần buộc bị đơn là ông Đặng Thanh P1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Đặng Thanh P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và đề xuất về nội dung là đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP A đối với ông Đặng Thanh P1.

Xử:

1. Buộc ông Đặng Thanh P1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 5.046.846.693 đồng (Năm tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 3.831.020.848 đồng, nợ lãi 1.215.825.845 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 27/8/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay từng lần số 4465/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022; Hợp đồng cho vay hạn mức số 4466/22/TD-TT/VI ngày 13/4/2022 được ký giữa các bên cho đến khi ông Đặng Thanh P1 thanh toán hết nợ.

2. Sau khi ông Đặng Thanh P1 trả hết toàn bộ số nợ thì Ngân hàng TMCP A phải hoàn trả cho ông Đặng Thanh P1 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC298982, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00264, do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/9/2010 đứng tên ông Đặng Thanh P1.

3. Trường hợp ông Đặng Thanh P1 không trả nợ cho Ngân hàng TMCP A thì tài sản thế chấp là nhà đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC298982, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00264, do Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/9/2010 đứng tên ông Đặng Thanh P1 được xử lý theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp là nhà và đất tại Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 19, địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H thành phố Đà Nẵng - Nay là phường H, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất không thay đổi so với giấy chứng nhận đã được đăng ký thế chấp là 88,5m². Các tài sản gắn liền với đất gồm nhà 4 tầng, diện tích xây dựng tầng 1 là 75,50m², tổng diện tích sàn là 263,70m² kết cấu tường xây, nền gạch men, mái dúc.

5. Buộc ông Đặng Thanh P1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh P1 phải chịu là 113.046.800 đồng (Một trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 57.170.786 đồng (Năm mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004603 ngày 29.10.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát Khu vực I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Thuý